

Bản án số: 35/2025/DS-ST
Ngày: 08 - 7 - 2025
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Duy Linh.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phan Thị Dòn - Bà Nguyễn Thị Nguyên

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Mai Thu – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 10 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Ngô Hoàng Phương Đại – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 7 năm 2025, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân Khu vực 10 – Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 272/2025/TLST-DS ngày 15 tháng 4 năm 2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 469/2025/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 5 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 456/2025/QĐST-DS ngày 13 tháng 6 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Ngân hàng thương mại cổ phần S1.**

Địa chỉ trụ sở: Số B - B N, phường X (cũ: Phường V, Quận C), Thành phố Hồ Chí Minh

Đại diện theo pháp luật: Bà **Nguyễn Đức Thạch D.** Chức vụ: Tổng giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: **Công ty TNHH MTV Q và khai thác tài sản Ngân hàng S1 (Công ty S2).** Địa chỉ: Số B N, Phường X,(Phường V, Quận C cũ), Thành phố Hồ Chí Minh (Theo Giấy ủy quyền số 2535A/2022/GUQ-PL ngày 12/10/2022).

Đại diện theo pháp luật của Công ty S2: Ông **Lê Ngọc T.** Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Ủy quyền lại cho: Ông **Nguyễn Vũ Khánh C**, sinh năm 1983. Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc (theo Giấy ủy quyền số 775/2023/GUQ-TGD ngày 13/9/2023) hoặc ông **Trần Gia T1**, sinh năm 1971. Chức vụ: Nhân viên Công ty

TNHH MTV Q và khai thác tài sản Ngân hàng S1 (theo Giấy ủy quyền số 2144/2024/UQ-TGD ngày 03/4/2024) (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Ông **Nguyễn Duy K**, sinh năm 1988; Địa chỉ: F Ấp F, xã B (xã L, huyện B cũ), Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 07 tháng 5 năm 2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có ông Trần Gia T1 trình bày như sau:

Ngày 20/01/2018, ông Nguyễn Duy K có ký với Ngân hàng thương mại cổ phần S1 (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng - các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng), hạn mức tín dụng là 15.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân. Cụ thể như sau: Loại thẻ: Visa, S thẻ: 472074-2681; Hạn mức: 15.000.000 đồng; Ngày ký hợp đồng: 20/01/2018; Lãi suất áp dụng: 2.6%/tháng.

Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, ông K đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 82.958.200 đồng. Lãi được tính trên từng giao dịch phát sinh theo từng ngày và theo lãi suất Ngân hàng áp dụng vào từng thời điểm khác nhau (Điều 22 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Ông K phải chịu các khoản phí theo quy định trong Điều 24 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, chi tiết lãi, phí trong sao kê tóm tắt.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông K đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 97.883.336 đồng (chi tiết các lần thanh toán trong bảng sao kê tóm tắt đính kèm). Tổng số tiền trên được thanh toán áp dụng theo điều 20 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng cụ thể việc thanh toán sẽ được áp dụng theo thứ tự như sau:

- Các khoản phí và/ hoặc lãi của kỳ trước.
- Giao dịch rút tiền mặt của kỳ trước.
- Giao dịch mua hàng hóa của kỳ trước.
- Các khoản phí và/ hoặc lãi trong kỳ.
- Giao dịch rút tiền mặt trong kỳ.
- Giao dịch mua hàng hóa trong kỳ.

Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông K vẫn không có thiện chí trả nợ. Do ông K vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), ngày 01/11/2022 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 23 của bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ tại thời điểm này là

16.142.659 đồng làm nợ gốc, áp dụng lãi suất nợ quá hạn (là 150% của lãi suất được công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại).

Do ông K vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo Điều 2 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng nên Ngân hàng yêu cầu ông K trả số tiền còn thiếu tính đến ngày 08/7/2025 là 36.728.944 đồng. Cụ thể là: Loại thẻ: Visa, Số thẻ: 472074-2681; nợ gốc: 16.142.659 đồng, lãi quá hạn: 20.586.285 đồng; lãi suất áp dụng: 3.9% ($2.6\% \times 150\%$).

Mặc dù Ngân hàng đã thường xuyên đôn đốc, nhiều lần làm việc trực tiếp với ông K, yêu cầu có trách nhiệm thanh toán ngay khoản nợ quá hạn, đồng thời Ngân hàng cũng tạo điều kiện về mặt thời gian để trả nợ, tuy nhiên ông K vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã quy định tại Hợp đồng đã ký.

Do đó, Ngân hàng thương mại cổ phần S1 yêu cầu ông Nguyễn Duy K thực hiện các nghĩa vụ sau:

- Buộc ông Nguyễn Duy K phải trả ngay cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 08/07/2025 là 36.728.944 đồng (Ba mươi sáu triệu bảy trăm hai mươi tám nghìn chín trăm bốn mươi bốn đồng) trong đó: Nợ gốc: 16.142.659 đồng; Lãi quá hạn: 20.586.285 đồng.

- Và có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 09/7/2025 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Bị đơn: ông Nguyễn Duy K vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10 – Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn ông Nguyễn Duy K có trách nhiệm trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần S1 số tiền tạm tính đến ngày 08/7/2025 là: 36.728.944 đồng, trong đó: số dư nợ gốc còn lại chưa thanh toán: 16.142.659 đồng; số tiền lãi 20.586.285 đồng. Buộc ông K phải thanh toán lãi, phí phát sinh kể từ ngày 09/7/2025 cho đến khi thi hành xong bản án có hiệu lực pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

Về áp dụng pháp luật tố tụng và pháp luật nội dung:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Ngân hàng thương mại cổ phần S1 khởi kiện ông Nguyễn Duy K yêu cầu ông K thanh toán khoản tiền vay nợ theo Giấy đề nghị cấp Thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 20/01/2018 với mục đích

tiêu dùng. Tại Giấy đề nghị cấp Thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 20/01/2018 ông Nguyễn Duy K có ghi địa chỉ tại F Ấp F, xã L, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ vào kết quả trả lời xác minh của Công an xã L có nội dung: “*Đương sự Nguyễn Duy K, SN: 1988 có đăng ký thường trú tại F Ấp F, xã L, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh nhưng không thực tế sinh sống tại địa chỉ trên (đi đâu không rõ)*”. Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh đã yêu cầu nguyên đơn cung cấp nơi cư trú hiện nay của ông Nguyễn Duy K. Nguyên đơn có Công văn số 3100/2024 ngày 17/9/2024 cung cấp địa chỉ của ông Nguyễn Duy K cư trú tại G, đường số I, ấp T, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh đã ban hành Quyết định chuyển hồ sơ vụ án số 102/2024/QĐST-DS ngày 17/9/2024 chuyển vụ án tới Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh để giải quyết theo thẩm quyền. Ngày 04/8/2024 Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh nhận lại hồ sơ vụ án nêu trên do Tòa án nhân dân huyện Củ Chi chuyển đến theo Quyết định chuyển hồ sơ vụ án dân sự số 51/2025/QĐST-DS ngày 13/02/2025 với lý do “*Theo kết quả xác minh của Công an xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh thể hiện: đoạn đường số I, ấp T, xã T, huyện C không có số nhà 70. Ông Nguyễn Duy K không đăng ký, thường trú, tạm trú hay thực tế cư trú tại địa phương*”. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 10- Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về việc xét xử vắng mặt đương sự: Nguyên đơn có người đại diện theo ủy quyền có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn ông Nguyễn Duy K mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản sau: Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và các Giấy triệu tập đương sự nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự thì bị đơn đã tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình, nên phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử căn cứ vào những tài liệu chứng cứ đã thu thập được để giải quyết vụ án. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3] *Xét yêu cầu khởi kiện:*

[4] Tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 20/01/2018, bị đơn được nguyên đơn đồng ý cấp thẻ tín dụng là: Loại thẻ: Visa, Số thẻ: 472074-2681; Hạn mức: 15.000.000 đồng; Ngày ký hợp đồng: 20/01/2018; Lãi suất áp dụng: 2.6%/tháng. Trong quá trình sử dụng thẻ, ông Nguyễn Duy K đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 82.958.200 đồng. Kể từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông K đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 97.883.336 đồng thì ngưng. Do ông K vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngày 01/11/2022 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ tại thời điểm này là 16.142.659

đồng làm nợ gốc, áp dụng lãi suất nợ quá hạn (là 150% của lãi suất được công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại). Vì vậy, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu ông Nguyễn Duy K trả tổng số tiền tạm tính đến ngày 08/7/2025 là 36.728.944 đồng (Ba mươi sáu triệu bảy trăm hai mươi tám nghìn chín trăm bốn mươi bốn đồng) trong đó: Nợ gốc: 16.142.659 đồng; Lãi quá hạn: 20.586.285 đồng, ngoài ra yêu cầu bị đơn có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 09/7/2025 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng. Hội đồng xét xử xét thấy như sau:

[5] Đối với yêu cầu thanh toán tiền gốc của Ngân hàng thương mại cổ phần S1 (gọi tắt là Ngân hàng):

[6] Căn cứ vào Bảng tóm tắt sao kê của Ngân hàng cho thấy kể từ ngày kích hoạt thẻ đến ngày 01/11/2022 ông K đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 97.883.336 đồng thì ngưng. Căn cứ Điều 23 của bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của ngân hàng thương mại cổ phần S1 có hiệu lực từ ngày 15/8/2016 quy định: *“Việc không thanh toán ít nhất số tiền tối thiểu của chủ thẻ cho đến kỳ phát hành Thông báo tiếp theo sẽ tạo nên sự vi phạm theo Hợp đồng. Trong trường hợp này, toàn bộ tổng dư nợ sẽ trở nên đến hạn ngay lập tức và chủ thẻ phải thanh toán. Nếu chủ thẻ có nhiều hơn một tài khoản với Đơn vị phát hành thẻ, việc vi phạm ở một tài khoản sẽ tự động được xem như là vi phạm ở tất cả tài khoản khác. Dù bất cứ trường hợp nào, Đơn vị phát hành thẻ có quyền chấm dứt tất cả các tài khoản của chủ thẻ tại Đơn vị phát hành thẻ. Đồng thời, Trường hợp chủ thẻ có bất kỳ khoản nợ nào khác tại S3 và/hoặc tại bất cứ tổ chức tín dụng nào khác phát sinh quá hạn, toàn bộ Dư nợ của chủ thẻ theo hợp đồng này cũng được xem là quá hạn và chủ thẻ có trách nhiệm thanh toán toàn bộ dư nợ”*. Vì vậy, ngày 01/11/2022 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn số tiền là 16.142.659 đồng làm nợ gốc là có cơ sở phù hợp với quy định của ngân hàng.

[7] Căn cứ vào khoản 2 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 quy định: *“...Trong trường hợp khách hàng không trả được nợ đến hạn, nếu các bên không có thỏa thuận khác thì tổ chức tín dụng có quyền xử lý nợ, tài sản bảo đảm tiền vay theo hợp đồng cấp tín dụng, hợp đồng bảo đảm và quy định của pháp luật...”*. Kể từ ngày 01/11/2022 đến nay, ông K không thanh toán thêm khoản tiền gốc nào cho ngân hàng nữa. Mặc dù đã được ngân hàng nhiều lần nhắc nhở, đôn đốc nhưng ông K vẫn không có thiện chí trả nợ. Vậy nên, ông K đã vi phạm thỏa thuận hợp đồng tín dụng, gây ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần S1 yêu cầu ông K phải có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng số tiền gốc còn nợ là 16.142.659 (Mười sáu triệu một trăm bốn mươi hai nghìn sáu trăm năm mươi chín) đồng là có cơ sở chấp nhận.

[8] Đối với yêu cầu thanh toán tiền lãi quá hạn của Ngân hàng thương mại cổ phần S1:

[9] Căn cứ khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 quy định: *“...Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí*

cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật...". Căn cứ Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 20/01/2018, các bên không có thỏa thuận lãi quá hạn trong hợp đồng tín dụng. Tuy nhiên, Điều 23 của bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của ngân hàng thương mại cổ phần S1 quy định (các bên đã thỏa thuận bản điều khoản và điều kiện này là một phần của Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 09/10/2017) có quy định như sau: "áp dụng lãi suất nợ quá hạn là 150% của lãi suất được công bố áp dụng tại thời điểm hiện tại) phù hợp với điều 22 đối với toàn bộ Dư nợ theo quy định của Đơn vị phát hành thẻ".

[10] Căn cứ vào Quyết định số 2399/2019/QĐ-TTT ngày 06/8/2019 về việc ban hành Biểu phí sản phẩm dịch vụ Thẻ S3 phát hành tại Việt Nam, qui định về lãi suất Thẻ tín dụng quốc tế là 2.4-2.6%/tháng. Đối chiếu qui định này của S3 thì từ ngày 01/11/2022 đến 08/7/2025 số tiền quá hạn là 20.586.285 (Hai mươi triệu năm trăm tám mươi sáu nghìn hai trăm tám mươi lăm) đồng là có cơ sở chấp nhận.

[4] Từ những phân tích và nhận định trên, đồng thời xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10 – Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[5] Về án phí sơ thẩm đối với tranh chấp về dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, khoản 2 Điều 92, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 91, Điều 94, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng;

Căn cứ vào Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần S1 đối với bị đơn là ông Nguyễn Duy K.

Buộc ông Nguyễn Duy K có trách nhiệm trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần S1 số tiền tính đến ngày 08/7/2025 là 36.728.944 đồng (Ba mươi sáu triệu bảy trăm hai mươi tám nghìn chín trăm bốn mươi bốn đồng). Trong đó: Nợ gốc: 16.142.659 đồng; lãi quá hạn: 20.586.285 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, ông Nguyễn Duy K còn phải tiếp tục trả khoản tiền lãi trên số tiền nợ gốc quá hạn chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của ngân hàng đối với thẻ tín dụng số 472074-2681 được ký kết giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần S1 và ông Nguyễn Duy K cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc trên. Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của nguyên đơn thì lãi suất mà ông K phải tiếp tục thanh toán cho nguyên đơn theo bản án của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của nguyên đơn.

Các đương sự có quyền thỏa thuận về địa điểm giao nhận tiền và thời điểm giao nhận tiền, trường hợp không thỏa thuận được thì thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Nguyễn Duy K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.836.447 (Một triệu tám trăm ba mươi sáu nghìn bốn trăm bốn mươi bảy) đồng.

- H lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần S1 số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 675.322 (Sáu trăm bảy mươi năm nghìn ba trăm hai mươi hai) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0033933 ngày 28/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

4. Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- TAND TP. HCM; (1)
- VKSND KV10 TPHCM; (2)
- THADS TPHCM; (1)
- Các đương sự; (4)
- Lưu: hồ sơ, VT. (5)

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**



Đỗ Thị Duy Linh